

Ninh Bình, ngày tháng 02 năm 2026

ĐỀ ÁN

Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH, PHẠM VI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. Sự cần thiết xây dựng đề án

Sau khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính theo mô hình địa phương 02 cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tích cực chỉ đạo các Sở, ngành tăng cường phối hợp, hỗ trợ, hướng dẫn và Ủy ban nhân dân các xã/phường đã có nhiều nỗ lực trong công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Tuy nhiên, việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh còn gặp một số khó khăn, vướng mắc do: công tác quản lý chưa thống nhất, việc tiếp nhận nhiệm vụ của các xã, phường còn nhiều lúng túng; khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ngày càng nhiều trong khi ngân sách chi cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt còn hạn chế; nhiều cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt quá tải, xuống cấp, hoạt động không hiệu quả; các dự án đầu tư khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt chậm tiến độ. Do đó cần thiết phải xây dựng Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt để thống nhất quản lý nâng cao hiệu quả thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng chỉ tiêu về quản lý chất thải rắn sinh hoạt đến năm 2030 góp phần bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp.

II. Căn cứ pháp lý xây dựng đề án

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 23/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035.
- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Văn bản số 1760/BNNMT-MT ngày 06/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại đô thị và nông thôn.

III. Phạm vi thực hiện Đề án

Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

PHẦN II HIỆN TRẠNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

I. Đặc điểm tình hình

Sau khi thực hiện sáp nhập và sắp xếp đơn vị hành chính, tỉnh Ninh Bình nằm ở cực Nam của Đồng bằng sông Hồng có diện tích tự nhiên là 3.942,62 km², quy mô dân số là 4,412 triệu người với 129 xã/phường trong đó có 97 xã và 32 phường, là một trong những tỉnh có quy mô dân số lớn nhất cả nước; có nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế xã hội với không gian phát triển rộng lớn, hệ thống hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại; lực lượng lao động trẻ với số lượng lớn và đã được đào tạo.

Trong các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước cũng như của tỉnh, Bảo vệ môi trường là một yếu tố tiên quyết cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội trong đó công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt ngày càng được coi trọng và yêu cầu cao về chất lượng, hiệu quả. Bảo vệ môi trường nói chung và quản lý chất thải rắn sinh hoạt nói riêng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội trong đó cần có sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các cấp, các ngành để tạo ra môi trường sống trong lành, sạch đẹp; bảo vệ sức khỏe, nâng cao chất lượng sống của người dân. Với đặc thù là tỉnh có nhiều tiềm năng du lịch, định hướng là trung tâm du lịch lớn, quan trọng cấp quốc gia và quốc tế do đó công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt là yếu tố quan trọng có tác động trực tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. Thực trạng phát sinh, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

2.1. Thực trạng phát sinh và phân loại chất thải rắn sinh hoạt

Hiện nay, lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh

khoảng 2.519 tấn/ngày, trong đó khu vực đô thị khoảng 1.098 tấn/ngày, được phân loại, thu gom, xử lý khoảng 1.054 tấn/ngày đạt tỷ lệ 96%; khu vực nông thôn khoảng 1.421 tấn/ngày, được phân loại, thu gom, xử lý khoảng 1.289 tấn/ngày đạt tỷ lệ 91%.

Chất thải rắn sinh hoạt có thành phần đa dạng, không đồng nhất giữa các khu vực phụ thuộc vào mức sống của người dân và sự phát triển của mỗi vùng, khu vực trong đó chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế chiếm tỷ lệ khoảng 10-15%, chất thải thực phẩm chiếm tỷ lệ khoảng 50-60%; chất thải rắn sinh hoạt khác chiếm tỷ lệ khoảng 25-30%. Do có nhiều thay đổi về điều kiện sống và thói quen sinh hoạt, sử dụng hàng hóa dẫn đến sự gia tăng của chất thải rắn sinh hoạt và thay đổi về thành phần các loại chất thải trong đó tỷ lệ chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế, các loại bao bì sử dụng một lần, chất thải công kênh gia tăng nhanh trong khi việc điều chỉnh các hình thức phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo khối lượng, thành phần chất thải còn hạn chế.

Đối với nhóm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế hiện chỉ được phân loại một phần đối với các loại chất thải như: nhựa thải, kim loại thải, giấy thải, thiết bị điện, điện tử, đồ vải để tái sử dụng hoặc bán phế liệu. Đối với các loại chất thải như thủy tinh thải, đồ gỗ, cao su hầu như chưa được phân loại mà để chung cùng với chất thải rắn sinh hoạt khác.

Đối với nhóm chất thải thực phẩm một phần được phân loại để tận dụng làm thức ăn chăn nuôi hoặc phân bón cho cây trồng (chủ yếu tại các hộ gia đình nông thôn và các cửa hàng kinh doanh ăn uống), phần còn lại vẫn thu gom cùng với nhóm chất thải rắn sinh hoạt khác. Một số địa phương đã triển khai các mô hình xử lý đối với chất thải thực phẩm như sử dụng chế phẩm vi sinh để xử lý thành mùn hữu cơ tại hộ gia đình hoặc cụm hộ gia đình nhưng chưa phổ biến.

Đối với nhóm chất thải rắn sinh hoạt khác: việc phân loại, thu gom, xử lý chất thải nguy hại hầu như chưa được thực hiện. Đối với chất thải công kênh, một phần được các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tháo dỡ để tái chế và xử lý, một phần không được tháo dỡ hoặc tháo dỡ không hoàn toàn sau đó vứt bỏ tại các khu vực trống, vắng người qua lại gây ô nhiễm môi trường, mất mỹ quan.

(Chi tiết tình hình phát sinh chất thải rắn sinh hoạt tại Phụ lục I kèm theo)

2.2. Thực trạng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có một số hình thức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phổ biến như sau:

(1) Các tổ thu gom của các xã/phường thực hiện thu gom chất thải sau đó vận chuyển đến điểm tập kết, bể trung chuyển và chuyển giao cho đơn vị vận chuyển để vận chuyển đến cơ sở xử lý. Trường hợp này thường không có hợp đồng giữa Ủy ban nhân dân xã/phường với đơn vị thu gom; kinh phí thu gom được lấy từ tiền thu giá dịch vụ của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn. Đơn vị vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có hợp đồng với Ủy ban nhân dân các xã/phường hoặc với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cũ.

(2) Công tác thu gom, vận chuyển chất thải đến cơ sở xử lý do một đơn vị thực hiện. Các đơn vị đã ký hợp đồng với Ủy ban nhân dân xã, phường hoặc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cũ.

(3) Các tổ thu gom, vận chuyển của các xã/phường thực hiện thu gom, vận chuyển. Không có hợp đồng giữa Ủy ban nhân dân xã/phường với đơn vị thu gom, vận chuyển; kinh phí thu gom, vận chuyển được lấy từ tiền thu giá dịch vụ của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn. Ủy ban nhân dân xã/phường hỗ trợ một số nội dung như: chế phẩm khử mùi, chất khử trùng, trang thiết bị, bảo hộ lao động, ...

(4) Đối với chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp: Một số đơn vị có khối lượng chất thải thấp thực hiện chuyển giao chất thải cho đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải tại địa phương như các hộ gia đình, cá nhân. Đối với các đơn vị có khối lượng chất thải lớn thực hiện hợp đồng với đơn vị chức năng (*đơn vị thu gom, vận chuyển chung của địa phương hoặc các đơn vị chức năng khác*) để vận chuyển, xử lý.

Hiện trên địa bàn tỉnh có 49 tổ chức, cá nhân tham gia thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trong đó có 07 đơn vị sự nghiệp công lập, 34 doanh nghiệp, hợp tác xã và 08 cá nhân. Ngoài ra, còn có 109 tổ thu gom, vận chuyển do Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý tham gia thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trong đó có 60 tổ thực hiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ gia đình đến các điểm tập kết và chuyển giao cho đơn vị vận chuyển và 49 tổ thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ gia đình đến các bãi chôn lấp, lò đốt rác của xã, phường để xử lý.

Các đơn vị sự nghiệp công lập được cung cấp trang thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ ngân sách nhà nước; các doanh nghiệp, hợp tác xã tự đầu tư các trang thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; các tổ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu được Ủy ban nhân dân các xã, phường cung cấp trang thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và tự túc một phần để phù hợp với tình hình thực tế. Về cơ bản, các đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt chưa có các trang thiết bị thu gom, vận chuyển theo từng nhóm chất thải và cũng chưa thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo nhóm chất thải.

(Chi tiết các hình thức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại Phụ lục II kèm theo)

2.3. Thực trạng xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Hiện trên địa bàn tỉnh có nhiều hình thức xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong đó có các mô hình xử lý cấp tỉnh, mô hình liên xã và mô hình xử lý cấp xã, cụ thể:

- Có 04 cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt cấp tỉnh xử lý khoảng 996 tấn/ngày, gồm:

+ Nhà máy xử lý chất thải rắn Ninh Bình tại phường Trung Sơn xử lý theo công nghệ sản xuất mùn hữu cơ và chôn lấp trong đó dây chuyền sản xuất mùn hữu cơ có công suất 200 tấn/ngày, có 02 bãi chôn lấp trong đó bãi A có diện tích khoảng 3,5ha đã quá tải và bãi B có diện tích khoảng 03 ha (là bãi chôn lấp cũ đã dừng hoạt động từ năm 2020, được cải tạo và đưa vào sử dụng năm 2024. Hiện Nhà máy tiếp nhận khoảng 430 tấn chất thải/ngày trong đó: xử lý sản xuất mùn hữu cơ khoảng 50 tấn/ngày, chôn lấp khoảng 380 tấn/ngày.

+ Khu liên hợp xử lý rác thải Lộc Hòa tại phường Đông A của Công ty cổ phần môi trường Nam Định bằng hình thức sản xuất mùn hữu cơ, đốt và chôn lấp, trong đó dây chuyền sản xuất mùn hữu cơ có công suất 250 tấn/ngày bằng công nghệ sản xuất mùn hữu cơ, lò đốt công suất 04 tấn/giờ, bãi chôn lấp diện tích 20 ha. Hiện khu xử lý tiếp nhận khoảng 230 tấn/ngày, xử lý sản xuất mùn hữu cơ khoảng 52 tấn/ngày, đốt trong lò đốt khoảng 12 tấn/ngày, chôn lấp khoảng 166 tấn/ngày.

+ Nhà máy xử lý chất thải Thung Cổ Chày tại xã Tân Thanh của Công ty cổ phần môi trường Hà Nam, xử lý bằng lò đốt với công suất 96 tấn/ngày.

+ Nhà máy xử lý chất thải Thung Đám Gai tại xã Tân Thanh của Công ty cổ phần môi trường Thanh Thủy, xử lý bằng lò đốt với công suất 240 tấn/ngày.

Như vậy, các dây chuyền xử lý chế biến mùn hữu cơ hiện đang hoạt động không đạt công suất thiết kế (*khoảng 20 đến 30% công suất thiết kế*). Các bãi chôn lấp thì quá tải so với công suất thiết kế (bãi chôn lấp thung Quèn Khó gấp đôi công suất thiết kế).

- Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt liên xã xử lý khoảng 52 tấn/ngày, gồm:

+ Khu xử lý tại xã Nam Trục của Công ty TNHH MTV môi trường Xanh Nam Trục, xử lý bằng công nghệ đốt và chôn lấp, công suất 60 tấn rác thải sinh hoạt/ngày. Khối lượng xử lý thực tế khoảng 40 tấn/ngày.

+ Khu xử lý tại xã Cổ Lễ của Công ty TNHH môi trường đô thị Trục Ninh, xử lý bằng công nghệ đốt và chôn lấp, công suất 25 tấn/ngày. Khối lượng xử lý thực tế khoảng 04 tấn/ngày.

+ Khu xử lý tại xã Chất Bình do Hợp tác xã môi trường Kim Bình vận hành, xử lý với công suất lò đốt là 800kg/ngày.

- Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt quy mô cấp xã:

+ 112 lò đốt chất thải rắn sinh hoạt tại các xã/phường, công suất 350-800 kg/giờ/lò, hầu hết các lò đốt do các tổ, đội trên địa bàn xã vận hành trong đó có nhiều lò đốt đã xuống cấp và hoạt động quá tải dẫn đến nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ 65 bãi chôn lấp tại các xã/phường, các bãi rác có quy mô nhỏ dưới 2,5ha. Hầu hết các bãi rác không có hệ thống xử lý nước rác, nhiều bãi đã quá tải gây khó khăn trong việc xử lý.

(Chi tiết các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục III kèm theo)

Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng tái chế sau khi được phân loại, làm sạch tại hộ gia đình hoặc các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được chuyển giao cho các cơ sở kinh doanh phế liệu để tiếp tục phân loại và chuyển giao cho các cơ sở tái chế. Hiện trên địa bàn tỉnh có một số cơ sở có năng lực tái chế đối với nhóm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế đối với giấy thải, kim loại thải, nhựa thải, cao su thải.

(Chi tiết các cơ sở tái chế chất thải trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục IV kèm theo)

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh đang triển khai một số dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt, gồm:

(1) Dự án Nhà máy điện rác Ninh Bình tại phường Trung Sơn, công suất xử lý 500 tấn/ngày do Công ty cổ phần năng lượng xanh SUS triển khai thực hiện, xử lý theo công nghệ đốt rác phát điện với tổng mức đầu tư là 1.421,28 tỷ đồng, công suất xử lý là 500 tấn/ngày dự kiến đi vào hoạt động năm 2026.

(2) Dự án Xây dựng và vận hành nhà máy xử lý chất thải rắn tại phường Trung Sơn, công suất 500 tấn/ngày theo công nghệ tổ hợp, tổng vốn đầu tư là 650 tỷ đồng. Triển khai dự án từ năm 2025 đến hết quý I năm 2028.

(3) Dự án Nhà máy điện rác tại phường Mỹ Lộc của Công ty cổ phần năng lượng Greenity Nam Định, công suất xử lý 700 tấn rác hỗn hợp vào lò/ngày (*rác vào nhà máy khoảng 950 tấn/ngày, công suất xử lý 700 tấn rác hỗn hợp vào lò/ngày, trong đó có khoảng 50 tấn chất thải rắn công nghiệp thông thường*). Dự kiến đi vào hoạt động tháng 9 năm 2026.

(4) Dự án Nhà máy xử lý rác thải Thung Cổ Chày tại xã Tân Thanh của Công ty cổ phần môi trường Hà Nam, trong đó có nội dung nâng công suất lò đốt chất thải rắn sinh hoạt từ 96 tấn/ngày lên 145 tấn/ngày. Dự kiến hoàn thành vào Quý IV năm 2027.

2.4. Chi ngân sách sự nghiệp môi trường

Những năm qua, thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp của các tỉnh trước khi sáp nhập, việc phân bổ ngân sách, chi ngân sách sự nghiệp môi trường đối với cấp huyện, cấp xã đã được quan tâm bố trí và thực hiện tăng hàng năm. Ngân sách sự nghiệp môi trường những năm qua chủ yếu được các địa phương tập trung cho các hoạt động chỉnh trang đô thị, vệ sinh môi trường, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, cụ thể:

Năm 2023, chi ngân sách sự nghiệp môi trường tổng cộng của 03 tỉnh cũ là 543,99 tỷ đồng.

Năm 2024, chi ngân sách sự nghiệp môi trường tổng cộng của 03 tỉnh cũ là 557,03 tỷ đồng.

Năm 2025, chi ngân sách sự nghiệp môi trường của tỉnh ước khoảng 1.024 tỷ đồng.

III. Đánh giá chung

3.1. Các kết quả đạt được

Sau khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực, các cấp, các ngành và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đã tích cực triển khai thực hiện các quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, từng bước nâng cao chất lượng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và đã đạt nhiều kết quả tích cực, cụ thể:

- Đã tổ chức được hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với 129/129 xã, phường, tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 93% trong đó khu vực nông thôn đạt khoảng 91%, khu vực đô thị đạt khoảng 96%.

- Thu hút đầu tư các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy hoạch đã được phê duyệt với công nghệ phù hợp, giảm tỷ lệ chất thải phải chôn lấp trực tiếp, đảm bảo đủ năng lực xử lý lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong thời gian tới.

- Nhận thức của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về quản lý chất thải rắn sinh hoạt đã được nâng cao, người dân chủ động thu gom chất thải để chuyển giao cho các đơn vị thu gom, vận chuyển, tích cực tham gia vệ sinh môi trường công, ngõ, khu dân cư, hầu như không còn tình trạng đổ chất thải rắn sinh hoạt bừa bãi gây mất vệ sinh môi trường tại các khu dân cư; chất thải tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, khu du lịch, điểm tham quan đã được thu gom, xử lý theo quy định. Đã hình thành lối sống mới trong đó các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhận thức được trách nhiệm đối với môi trường nói chung và quản lý chất thải rắn sinh hoạt nói riêng giúp tạo môi trường sống trong lành - sạch đẹp cho cơ quan, đơn vị, khu dân cư, khu công cộng, ...

- Công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt đã từng bước được thực hiện, một phần chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và chất thải thực phẩm đã được phân loại để tái sử dụng, tái chế và tự xử lý giúp nâng cao hiệu quả kinh tế và giảm thiểu khối lượng chất thải phải xử lý.

3.2. Tồn tại, hạn chế

- Các quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của tỉnh chưa đầy đủ nhất là quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt dẫn đến khó khăn cho việc lựa chọn đơn vị thực hiện cũng như bố trí ngân sách cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tăng nhanh và có nhiều thay đổi về thành phần các loại chất thải, xu hướng chung là tăng tỷ lệ chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế, chất thải nguy hại và chất thải công kênh, giảm tỷ lệ chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác còn lại. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ít có sự điều chỉnh để phù hợp với sự

thay đổi về lượng và thành phần chất thải rắn sinh hoạt dẫn đến áp lực cho toàn hệ thống. Đến nay, còn tình trạng tồn đọng khoảng 71.125 tấn tại khu xử lý chất thải của Công ty cổ phần môi trường Hà Nam và Công ty cổ phần môi trường Thanh Thủy.

(Chi tiết khối lượng chất thải rắn sinh hoạt tồn đọng tại Phụ lục V kèm theo)

- Chất thải chưa được phân loại triệt để làm giảm hiệu quả xử lý và tăng chi phí xử lý chất thải nhất là đối với các lò đốt và dây chuyền sản xuất mùn hữu cơ. Các đơn vị thu gom, vận chuyển, cơ sở xử lý chất thải chưa tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải theo các nhóm chất thải dù nhiều hộ gia đình đã thực hiện phân loại tại nguồn.

- Nhiều bãi chôn lấp, lò đốt rác đang quá tải, các lò đốt rác bị xuống cấp; một số lò đốt không có hệ thống xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu, các chôn lấp với quy mô nhỏ không có hệ thống xử lý nước rác dẫn đến xử lý không đảm bảo về môi trường và lãng phí tài nguyên.

- Các dự án xử lý chất thải công suất lớn, có công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường thường tập trung tại một số khu vực, dẫn đến tuyến đường vận chuyển kéo dài.

- Dự án Nhà máy điện rác tại phường Mỹ Lộc triển khai chậm dẫn đến quá tải cho Khu liên hợp xử lý rác thải Lộc Hòa (đang xử lý rác thải cho thành phố Nam Định cũ; Dự án Nhà máy điện rác Ninh Bình triển khai chậm dẫn đến quá tải cho Nhà máy xử lý chất thải rắn Ninh Bình. Một số dự án chưa bố trí đủ vốn để triển khai do chưa có thỏa thuận về xử lý chất thải với tỉnh nên gặp khó khăn trong việc huy động vốn.

- Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt còn hạn chế; nhiều hộ gia đình, cá nhân nhất là khu vực nông thôn không chi trả kinh phí cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

3.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính có nhiều biến động về ranh giới hành chính, dân cư, chức năng nhiệm vụ của các cơ quan quản lý chất thải và những điều chỉnh về cán bộ, công chức thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt đã dẫn đến một số khó khăn, vướng mắc nhất định đối với quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Việc điều chỉnh về hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt còn hạn chế không tương ứng với sự gia tăng khối lượng chất thải phát sinh, kinh phí chi cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt rất thấp, nhất là đối với khu vực nông thôn.

- Các quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt chưa đầy đủ.

- Do là lĩnh vực đặc thù nên lợi nhuận từ dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thường có tỷ suất lợi nhuận không cao dẫn đến khó thu hút được nguồn vốn để đầu tư các dự án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Còn một bộ phận người dân nhận thức hạn chế về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chưa chủ động phân loại chất thải rắn sinh hoạt, các hoạt động phân loại chất thải đã được thực hiện chủ yếu do mang lại lợi ích kinh tế của chính các hộ gia đình, cá nhân.

- Việc phân bổ kinh phí chi cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt nhiều nơi chưa rõ ràng dẫn đến chi ngân sách cho thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt còn hạn chế.

PHẦN III PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. Dự báo tình hình phát sinh chất thải rắn sinh hoạt

Trong giai đoạn 2026-2030, dự kiến có nhiều thay đổi lớn về kinh tế - xã hội sau quá trình sắp xếp đơn vị hành chính trong đó dân số đô thị chiếm tỷ lệ trên 30% dẫn đến sự gia tăng về khối lượng chất thải rắn sinh hoạt. Dự báo đến năm 2030, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh khoảng 3.135 tấn/ngày, trong đó khu vực đô thị khoảng 1.402 tấn/ngày, khu vực nông thôn khoảng 1.733 tấn/ngày; chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế chiếm tỷ lệ khoảng 15-20%, chất thải thực phẩm chiếm tỷ lệ khoảng 50-55%;, chất thải rắn sinh hoạt khác chiếm tỷ lệ khoảng 30-35%, đối với chất thải công kênh chiếm tỷ lệ khoảng 5%, chất thải nguy hại khoảng 0,1%.

(Chi tiết dự báo khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh theo Phụ lục I kèm theo)

II. Quan điểm, mục tiêu

2.1. Quan điểm

Nâng cao chất lượng quản lý chất thải rắn sinh hoạt của các cấp, các ngành, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong đó tăng cường sự chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; nâng cao nhận thức, ý thức người dân nhất là đối với việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và tái sử dụng, tái chế chất thải. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo nguyên tắc: Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Tổ chức hiệu quả hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ khối lượng chất thải trên địa bàn tỉnh và

phù hợp với các nhóm chất thải đã được phân loại. Chất thải được xử lý theo hướng thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tăng cường tái sử dụng, tái chế, giảm tỷ lệ chất thải được xử lý bằng hình thức chôn lấp trực tiếp; giảm dần và tiến tới xóa bỏ các cơ sở xử lý quy mô nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu

Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động tối đa mọi nguồn lực cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

2.2 Mục tiêu đến năm 2030

- Chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh được thu gom, xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt trên 94% trong đó khu vực đô thị trên 97%, khu vực nông thôn trên 92%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng hình thức chôn lấp trực tiếp dưới 10%. Không để xảy ra tình trạng ùn ứ chất thải rắn sinh hoạt tại các điểm tập kết.

- 100% các hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, khoảng 80% chất thải tái sử dụng, tái chế được phân loại tại các hộ gia đình, cá nhân, 60% chất thải thực phẩm tại các hộ gia đình, cá nhân khu vực nông thôn và 20% chất thải thực phẩm tại các hộ gia đình, cá nhân khu vực đô thị được các hộ gia đình, cá nhân tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, phân bón cho cây trồng.

- Các đơn vị thu gom, vận chuyển trang bị các trang thiết bị, phương tiện thu gom chất thải đầy đủ để thu gom chất thải và phù hợp với loại chất thải được phân loại.

- 100% các xã/phường bố trí các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt, điểm thu gom chất thải nguy hại từ các hộ gia đình, cá nhân đáp ứng nhu cầu của địa phương.

- Giảm dần quy mô xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng hình thức chôn lấp trực tiếp và tiến tới đóng cửa, cải tạo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với các bãi chôn lấp không còn khả năng tiếp nhận chất thải.

- Dừng hoạt động đối với các lò đốt rác quy mô nhỏ lẻ không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

III. Các nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện

3.1. Tuyên truyền, hướng dẫn nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; hướng dẫn người dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và các giải pháp tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải; chuyển giao chất thải theo quy định; phổ biến các mô hình phân loại, tái sử dụng, tái chế chất thải và tận dụng chất thải thực phẩm làm thức ăn gia súc hoặc phân bón cho cây trồng; tham gia vệ sinh môi trường công ngõ, khu dân cư hình thành lối sống văn minh và xây dựng môi trường sống “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp”.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông; kịp thời biểu dương những tập thể, cá nhân thực hiện tốt, có cách làm hay, hiệu quả trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt; lên án, xử lý đối với các hành vi vi phạm quy định về phân loại chất thải tại nguồn và đổ thải chất thải trái quy định.

- Tuyên truyền thông qua các hoạt động tập huấn, các hội nghị, tọa đàm; lồng ghép trong các lễ kỷ niệm về môi trường như: Ngày Trái đất 22/4, ngày Môi trường thế giới 05/6, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, ...

- Lồng ghép các nội dung phân loại tại nguồn vào các chương trình dạy học, các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thực tế tại trường học các cấp, tại các buổi sinh hoạt chung của các cơ quan, đơn vị.

- Có sự tham gia của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải, tận dụng chất thải thực phẩm làm thức ăn chăn nuôi hoặc phân bón cho cây trồng.

3.2. Phân loại, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt

- Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng và thực hiện lịch trình thu gom, vận chuyển các loại chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại về cơ sở tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt (*cơ sở xử lý, cơ sở tái chế, trạm phân loại chất thải*) phù hợp với loại hình chất thải.

- Triển khai áp dụng các mô hình phân loại, sơ chế chất thải theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại văn bản số 1760/BNNMT-MT ngày 06/5/2025 về việc hướng dẫn mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại đô thị và nông thôn trong đó ưu tiên áp dụng các mô hình xử lý cấp xã và xử lý phân tán tại hộ gia đình, cụm hộ gia đình:

+ Ủy ban nhân dân các xã/phường bố trí và xây dựng, cải tạo các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt, điểm thu gom chất thải nguy hại từ hộ gia đình, cá nhân với có quy mô và vị trí phù hợp tình hình thực tế tại địa phương (*có thể kết hợp điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt và điểm thu gom chất thải nguy hại từ hộ gia đình, cá nhân*). Đối với điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt chỉ thực hiện tập kết tạm thời để chờ chuyển giao chất thải lên phương tiện vận chuyển chuyên dụng, không để rơi vãi chất thải, nước rác tại điểm tập kết.

+ Khuyến khích các hộ gia đình, cụm hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế thành các loại chất thải theo nhu cầu sử dụng, tiêu thụ từng loại chất thải với các mục đích khác nhau để chuyển giao cho các đơn vị thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc các tổ chức, cá nhân có nhu cầu; tận dụng mặt bằng của gia đình cho việc phục hồi, sơ chế chất thải công kênh (tháo dỡ, phân loại) để tái sử dụng, tái chế theo mục đích phù hợp; đối với chất thải thực phẩm có thể được tận dụng để làm thức ăn chăn nuôi, phân bón hữu cơ.

+ Các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt bố trí trạm phân loại để phân loại, tập kết chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

(Kèm theo văn bản số 1760/BNNMT-MT ngày 06/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

- Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và chất thải nguy hại sau khi được phân loại đúng kỹ thuật, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có thể chuyển giao cho đơn vị thu gom và không phải chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

3.3. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

- Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức lựa chọn các đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan. Lựa chọn tuyến đường và cơ sở xử lý để tối ưu quãng đường và chi phí vận chuyển đảm bảo tổng chiều dài vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đối với phương tiện tải trọng ≤ 05 tấn không quá 20 km, phương tiện tải trọng > 5 tấn đến ≤ 10 tấn không quá 35 km, hạn chế việc vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt với quãng đường > 65 km, trừ trường hợp vận chuyển chất thải nguy hại.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ trì, phối hợp với các đơn vị thu gom, vận chuyển, cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở để xác định thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải phù hợp với tình hình địa phương.

- Các đơn vị thu gom, vận chuyển phải có nhân lực, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu về thu gom, vận chuyển đối với các nhóm chất thải đã được phân loại. Tổ chức thu gom, vận chuyển theo các nhóm chất thải với lộ trình, tần suất, tuyến thu gom đã thống nhất với Ủy ban nhân dân các xã, phường. Đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, không để tồn đọng dài ngày chất thải rắn sinh hoạt khác, chất thải thực phẩm tại điểm tập kết.

- Ưu tiên chuyển giao trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt khác, chất thải thực phẩm từ thiết bị, phương tiện thu gom lên phương tiện vận chuyển ngay trong ngày; chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và chất thải công kênh chưa được tháo dỡ có thể được tập kết tại các trạm phân loại để tiếp tục phân loại, sơ chế; chất thải nguy hại được lưu giữ tại các điểm thu gom và định kỳ chuyển giao cho đơn vị chức năng để xử lý.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường lựa chọn tổ chức, cá nhân quản lý các điểm tập kết, điểm thu gom chất thải nguy hại từ các hộ gia đình, cá nhân. Yêu cầu quản lý đúng mục đích, chỉ thực hiện tập kết tạm thời đối với nhóm chất thải rắn sinh hoạt khác, chất thải thực phẩm, đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực điểm tập kết. Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm vận chuyển, xử lý đối với chất thải nguy hại.

- Áp dụng các giải pháp sử dụng công nghệ số để quản lý, giám sát công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

3.4. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế đã được phân loại theo quy định được chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tái sử dụng, tái chế.

- Đối với chất rắn thải nguy hại từ hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân đã phân loại theo quy định được lưu giữ tại các điểm thu gom chất thải rắn nguy hại do Ủy ban nhân dân các xã, phường bố trí. Ủy ban nhân dân các xã/phường hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải thực phẩm và chất thải khác còn lại sau khi được phân loại và thu gom, Ủy ban nhân dân các xã/phường thực hiện lựa chọn đơn vị xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan trong đó chất thải thực phẩm được chuyển giao cho các đơn vị để xử lý thành mùn hữu cơ hoặc tận dụng làm thức ăn chăn nuôi (*ưu tiên chuyển giao cho đơn vị xử lý ngay tại địa bàn*), chất thải rắn sinh hoạt khác còn lại được chuyển giao cho các đơn vị xử lý với công nghệ phù hợp. Để đảm bảo các mục tiêu chung đối với xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo các khu vực đô thị, nông thôn và quy hoạch khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, các xã/phường tổ chức và lựa chọn các hình thức xử lý với công nghệ phù hợp với phân vùng và lộ trình chung của tỉnh.

(Chi tiết thực hiện lộ trình áp dụng hình thức xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Phụ lục VI-1, Phụ lục VI-2, Phụ lục VI-3, Phụ lục VI-4, Phụ lục VI-5 kèm theo. Trường hợp không tiếp cận được các hình thức xử lý theo lộ trình, Ủy ban nhân dân các xã/phường lựa chọn hình thức xử lý theo thứ tự ưu tiên giải pháp công nghệ: 1. Đốt thu hồi năng lượng (đốt phát điện, đồng xử lý trong lò nung xi măng hoặc giải pháp thu hồi năng lượng khác), 2. Xử lý bằng công nghệ tổ hợp hoặc công nghệ khác tương đương, 3. Đốt không thu hồi năng lượng, 4. Chôn lấp).

- Tăng cường áp dụng các mô hình xử lý chất thải thực phẩm quy mô cấp xã (xử lý thành mùn hữu cơ, phân hữu cơ, xử lý có thu hồi năng lượng (biogas)) và xử lý phân tán tại hộ gia đình, cụm hộ gia đình (tái sử dụng làm thức ăn, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; chuyển giao cho cơ sở chăn nuôi, cơ sở chế biến thức ăn chăn nuôi, cơ sở nuôi trồng thủy sản; xử lý thành mùn hữu cơ, phân hữu cơ, xử lý có thu hồi năng lượng (biogas)) theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại văn bản số 1760/BNNMT-MT ngày 06/5/2025 về việc hướng dẫn mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại đô thị và nông thôn.

- Khuyến khích các nhà máy xi măng nghiên cứu, áp dụng các giải pháp đồng xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong lò nung xi măng.

- Các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thực hiện xử lý đúng quy trình công nghệ; thường xuyên sửa chữa, bảo dưỡng và cải tiến máy móc, thiết bị đảm

bảo hiệu quả xử lý chất thải và đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường; nghiên cứu chuyển đổi sang các công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, giảm tỷ lệ chôn lấp trực tiếp.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, gồm: Dự án Nhà máy điện rác Ninh Bình tại phường Trung Sơn; Dự án Xây dựng và vận hành nhà máy xử lý chất thải rắn tại phường Trung Sơn; Dự án Nhà máy điện rác tại phường Mỹ Lộc; Dự án Nhà máy xử lý rác thải Thung Cỏ Chày tại xã Tân Thành.

- Tăng cường thu hút đầu tư các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp theo quy hoạch áp dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, không đầu tư mới các dự án chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt; thực hiện việc giao đất kịp thời cho các dự án để triển khai xây dựng và vận hành hệ thống thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích huy động nguồn lực đầu tư cho thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Từng bước chấm dứt hoạt động và cải tạo môi trường các bãi chôn lấp, lò đốt rác không đảm bảo vệ sinh môi trường trong đó chấm dứt hoạt động các bãi chôn lấp, lò đốt do Ủy ban nhân dân các phường quản lý (*bao gồm các phường: Nam Định, Đông A, Vị Khê, Trường Thi và Hồng Quang*) trước năm 2027, đối với các xã Minh Tân, Hiền Khánh, Vụ Bản, Liên Minh, Nam Trực, Nam Hồng, Phong Doanh, Ý Yên, Nam Đông hoàn thành trước năm 2030, các xã còn lại hoàn thành chậm nhất là năm 2030. Xử lý tình trạng chất thải quá tải gây ô nhiễm tại bãi chôn lấp A thung Quèn Khó, phường Trung Sơn.

(Tổng quan về hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo Phụ lục VII kèm theo)

IV. Khái toán kinh phí thực hiện

Dự kiến nhu cầu kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Đề án là **2.095,08 tỷ đồng** (*Chi tiết nhiệm vụ, thời gian thực hiện, nguồn ngân sách thực hiện các nhiệm vụ của Đề án tại Phụ lục X*). Trong đó: Ngân sách tỉnh 250,91 tỷ đồng, Ngân sách các xã, phường 1.844,17 tỷ đồng; nguồn vốn chi đầu tư phát triển là 179,7 tỷ đồng, nguồn vốn chi thường xuyên là 1.915,38 tỷ đồng

4.1. Công tác tuyên truyền hướng dẫn nâng cao nhận thức đối với công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt

Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường, giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng và phân loại rác thải sinh hoạt, chất thải trong sản xuất nông nghiệp, xây dựng; tuyên truyền người dân ủng hộ các dự án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt; tổ chức các chiến dịch, sự kiện truyền thông cộng đồng. Kinh phí dự kiến 16,5 tỷ đồng.

4.2. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt

- Xây dựng, cải tạo các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng các

yêu cầu về bảo vệ môi trường. Dự kiến khoảng 1.190 điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt và 1.190 điểm thu gom chất thải nguy hại từ hộ gia đình, cá nhân. Kinh phí cải tạo, xây dựng điểm tập kết dự kiến khoảng 100 triệu đồng/điểm tập kết (*tổng cộng khoảng 119 tỷ đồng*); kinh phí xây dựng điểm thu gom chất thải nguy hại từ các hộ gia đình, cá nhân dự kiến khoảng 30 triệu đồng/điểm thu gom (*tổng cộng khoảng 35,7 tỷ đồng*).

- Hỗ trợ các cụm hộ gia đình, khu dân cư thực hiện các mô hình phân loại chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế thành các loại chất thải theo nhu cầu sử dụng, tiêu thụ từng loại chất thải với các mục đích khác nhau để chuyển giao cho các đơn vị thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc các tổ chức, cá nhân có nhu cầu; tận dụng mặt bằng của gia đình cho việc phục hồi, sơ chế chất thải công kênh (tháo dỡ, phân loại) để tái sử dụng, tái chế theo mục đích phù hợp; đối với chất thải thực phẩm có thể được tận dụng để làm thức ăn chăn nuôi, phân bón hữu cơ. Trung bình mỗi xã, phường triển khai 3 - 10 mô hình, mỗi mô hình hỗ trợ 05 triệu đồng, tổng cộng khoảng 712 mô hình với kinh phí khoảng 7,12 tỷ đồng.

(Chi tiết cải tạo, xây dựng các điểm tập kết, điểm thu gom chất thải nguy hại, hỗ trợ mô hình phân loại chất thải theo Phụ lục VIII kèm theo)

4.3. Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Do hiện nay số tiền thu giá dịch vụ từ các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ mới đáp ứng cho hoạt động thu gom và một phần chi phí vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, phần còn lại phải sử dụng ngân sách nhà nước. Dự kiến kinh phí sử dụng cho các hoạt động, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt như sau:

- Chi phí thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại các xã, phường được sử dụng từ số tiền thu từ giá dịch vụ thu từ các tổ chức hộ gia đình, cá nhân.

- Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt: Chi phí cho hoạt động vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của các địa phương phụ thuộc vào quãng đường vận chuyển. Dự kiến quãng đường vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt (*không bao gồm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và chất thải nguy hại*) từ các điểm tập kết đến cơ sở xử lý khoảng 25-30km. Dự kiến kinh phí chi cho hoạt động vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt khoảng 687,33 tỷ đồng trong đó: năm 2026 là 124,55 tỷ đồng, năm 2027 là 130,64 tỷ đồng, năm 2028 là 137,23 tỷ đồng, năm 2029 là 143,94 tỷ đồng, năm 2030 là 150,98 tỷ đồng.

- Xử lý chất thải rắn sinh hoạt khoảng 1.030,07 tỷ đồng (*không bao gồm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và chất thải nguy hại*) trên cơ sở năng lực xử lý của các khu xử lý hiện hữu và tiến độ triển khai các dự án trên địa bàn tỉnh, dự kiến áp dụng các công nghệ phù hợp để xử lý chất thải theo hướng giảm tỷ lệ chôn lấp trực tiếp và các lò đốt rác nhỏ lẻ theo lộ trình như sau:

Công nghệ xử lý	Lộ trình				
	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
I. Khu vực đô thị					
Chôn lấp trực tiếp	50%	30%	20%	10%	5%
Đốt không thu hồi năng lượng	40%	30%	25%	20%	15%
Đốt có thu hồi năng lượng		25%	35%	40%	45%
Xử lý thành mùn hữu cơ	10%	15%	20%	25%	25%
Công nghệ tổ hợp và công nghệ khác	-	-	-	5%	10%
II. Khu vực nông thôn					
Chôn lấp trực tiếp	55%	40%	30%	20%	10%
Đốt không thu hồi năng lượng	40%	35%	30%	25%	20%
Đốt có thu hồi năng lượng		20%	30%	40%	45%
Xử lý thành mùn hữu cơ	5%	5%	10%	10%	15%
Công nghệ tổ hợp và công nghệ khác	-	-	-	5%	10%
Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)	135,88	181,93	206,68	238,73	266,85

- Đối với chất thải nguy hại đã được các hộ gia đình, cá nhân phân loại thì các hộ gia đình, cá nhân không phải chi trả chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý. Do khối lượng không lớn nên lưu giữ tại các điểm tập kết và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý. Dự kiến chi phí cho việc vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trung bình khoảng 50 triệu đồng/xã, phường/năm. Tổng kinh phí dự kiến là 18,950 tỷ đồng trong đó: năm 2026 khoảng 1,25 tỷ đồng, năm 2027 khoảng 2,5 tỷ đồng, năm 2028 khoảng 3,75 tỷ đồng, năm 2029 khoảng 05 tỷ đồng, năm 2030 khoảng 6,45 tỷ đồng.

(Chi tiết kinh phí phí vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Phụ lục IX kèm theo)

- Xử lý khoảng 68.656 tấn tồn đọng tại khu xử lý chất thải của Công ty cổ phần môi trường Thanh Thủy, khoảng 2.469 tấn tại Công ty cổ phần môi trường Hà Nam. Tổng chi phí 31,66 tỷ đồng.

(Chi tiết kinh phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt tồn đọng tại Phụ lục V kèm theo)

- Xử lý tình trạng chất thải quá tải gây ô nhiễm tại bãi chôn lấp A thung Quèn Khó (*dự kiến xử lý khoảng 250.000 tấn rác thải đã chôn lấp (khoảng 500.000 m³) theo công nghệ tổ hợp hoặc đốt phát điện, kinh phí khoảng 227,7 tỷ đồng*) và khắc phục, cải thiện môi trường các khoảng 50 bãi chôn lấp do các xã, phường quản lý (*dự kiến khoảng 500 triệu đồng/bãi, tổng cộng khoảng 25 tỷ đồng*).

PHẦN IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị liên quan phổ biến tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát và định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Đề án.

- Là cơ quan đầu mối hướng dẫn về chuyên môn đối với công tác phân loại thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, hướng dẫn các nhà máy xi măng thực hiện phương án đồng xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong lò nung xi măng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho phép các nhà máy xi măng đủ điều kiện được thực hiện xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong lò nung xi măng.

- Phối hợp với Sở Tài chính hàng năm rà soát nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ, hỗ trợ cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Đôn đốc, hướng dẫn các xã, phường thực hiện đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, cải tạo, phục hồi môi trường các bãi chôn lấp.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hút đầu tư các dự án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt với công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện của địa phương; đẩy nhanh tiến độ thực hiện đối với các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt đang triển khai trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường hỗ trợ cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện lựa chọn đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

3. Sở Xây dựng

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát cải tạo, xây mới các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt, điểm thu gom chất thải nguy hại từ hộ gia đình, cá nhân.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu phương án đồng xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong lò nung xi măng.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc áp dụng, lựa chọn công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt thân thiện với môi trường, phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp nâng cao hiệu quả xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Nhà máy xử lý chất rắn Ninh Bình, Khu liên hợp xử lý chất thải Lộc Hòa.

- Nghiên cứu, đề xuất việc áp dụng công nghệ số trong việc quản lý giám sát hoạt động chuyển giao, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức triển khai, tuyên truyền, hướng dẫn việc thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đến giáo viên, học sinh tại các trường học thông qua các chương trình giáo dục, các hoạt động chính khóa và ngoại khóa, các phong trào thi đua tại trường học.

6. Công an tỉnh

Tăng cường công tác kiểm tra và xử lý đối với các hành vi vi phạm hành chính về quản lý chất thải rắn sinh hoạt nhất là các hành vi: không thực hiện phân loại chất thải theo quy định và chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải trái quy định về bảo vệ môi trường.

7. Các Sở, ban, ngành có liên quan

- Vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị gương mẫu thực hiện nghiêm túc việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đồng thời tham gia tuyên truyền, vận động gia đình và hộ gia đình, cá nhân nơi cư trú cùng thực hiện.

- Bố trí các thiết bị phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt trong cơ quan, đơn vị và phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển để chuyển giao chất thải cho phù hợp.

8. Đề nghị UBND Tổ quốc Việt Nam tỉnh Ninh Bình và các tổ chức thành viên

Phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan đơn vị liên quan tăng cường tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của mỗi người dân, từng gia đình, cộng đồng dân cư, các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh, nắm vững

và thực hiện nghiêm túc việc thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; tham gia giám sát việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt và việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

9. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Tuyên truyền, hướng dẫn, vận động người dân thực hiện phân loại, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải, tận dụng chất thải thực phẩm làm thức ăn chăn nuôi, phân bón hữu cơ; phổ biến các tài liệu về bảo vệ môi trường trong công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo đường dẫn: <http://shorturl.at/YYWpk> hoặc quét mã:



- Dự toán kinh phí chi thường xuyên cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn và kinh phí thực hiện đầu tư cải tạo, xây mới các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt, điểm thu gom chất thải nguy hại từ các hộ gia đình, cá nhân do ngân sách các xã, phường đảm bảo trong dự toán chi ngân sách cấp xã, phường theo phân cấp.

- Lựa chọn các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan, hạn chế lựa chọn công nghệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đối với khu vực đô thị đồng thời cân đối với quỹ đường vận chuyển để tối ưu chi phí vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn để xác định thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Tổ chức, duy trì tốt hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương, không để xảy ra tình trạng ùn ứ chất thải; giám sát việc vận hành các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt, điểm thu gom chất thải nguy hại trong đó chú trọng việc áp dụng công nghệ số trong việc giám sát. Khuyến khích, động viên, khen thưởng, biểu dương các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Có phương án dừng hoạt động đối các bãi chôn lấp, lò đốt rác cấp xã không đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường; thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường đối với các bãi chôn lấp. Đối với các phường phải hoàn thành trước năm 2027, đối với các xã lân cận khu vực đô thị (*Minh Tân, Hiến Khánh, Vụ Bản, Liên Minh, Nam Trực, Nam Hồng, Phong Doanh, Ý Yên, Nam Đồng*) hoàn thành trước năm 2030, các xã còn lại hoàn thành chậm nhất là năm 2030.

- Kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; xử lý hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo thẩm quyền; xem xét, giải quyết kiến

ngiht, phản ánh của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

10. Các đơn vị thu gom, vận chuyển

- Thực hiện thu gom, phân loại, lưu giữ CTRSH trong các bao bì hoặc - Bố trí đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển phù hợp với loại, khối lượng chất thải đã được phân loại và phối hợp với cấp xã thống nhất lịch thu gom để không bị lẫn các nhóm chất thải với nhau.

- Thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải theo đúng nhóm chất thải đã được phân loại, tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc phát hiện, xử lý các tổ chức, cá nhân không thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Đảm bảo vệ sinh môi trường tại các điểm tập kết và trong quá trình thu gom, vận chuyển, chuyển giao chất thải.

11. Các đơn vị xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Quản lý, vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy trình công nghệ đảm bảo hoạt động an toàn và đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Tùy điều kiện thực tế, có thể bố trí các trạm phân loại chất thải rắn sinh hoạt trong phạm vi cơ sở xử lý để phân loại đối với nhóm chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế và chuyển giao cho các đơn vị tái chế.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động./.